

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025  
đã được kiểm toán

Nguyễn  
Duy Hà

Digitally signed by Nguyễn Duy Hà  
DN: C=VN, S=THANH HÓA, L=Tp. Thanh  
Hóa, O=CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI  
- THANH HÓA, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA HÀ NỘI - THANH HÓA, T=Trưởng  
ban kiểm soát, CN=Nguyễn Duy Hà,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CCCD:  
038067031354  
Reason: I am the author of this document  
Location: your signing location here  
Date: 2026.03.10 14:14:12+07'00'  
Foxit Reader Version: 10.1.0

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 – 39



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa tên cũ là Công ty CP Bia Thanh Hóa được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 2800791192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24/3/2004. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 13 ngày 15/07/2025.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

**Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau :**

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Trường Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Kiên Cường	Phó Chủ tịch
Ông Lương Xuân Dũng	Thành viên
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Trường Giang	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Kiên Cường	Giám đốc
Ông Đỗ Trường Giang	Phó Giám đốc
Ông Phùng Văn Quỳnh	Phó Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Duy Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Thế	Thành viên
Ông Trần Đức Giang	Thành viên

**Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này**

Ông Nguyễn Kiên Cường	Giám đốc
-----------------------	----------

2138  
ÔNG  
TNHI  
M TC  
IVA  
? HỒ

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2025 cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



**Ông Nguyễn Kiên Cường**  
Giám đốc

Thanh Hóa, Ngày 03 tháng 03 năm 2026

4-C  
TY  
1  
ÁN  
PHI M

Số : 09.07.1.3/25/BCTC/NVA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hóa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hóa, được lập ngày 03/03/2026, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hóa tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 04/03/2025 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.



Công ty TNHH Kiểm toán NVA  
Đông Thành Giám đốc

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào  
Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 1732-2023-152-1

Nguyễn Chí Thanh  
Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 2819-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 4 tháng 3 năm 2026



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>160.805.720.357</b>	<b>153.283.625.956</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>17.339.378.392</b>	<b>23.600.836.498</b>
1. Tiền	111		5.339.378.392	18.600.836.498
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	5.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>37.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	5.000.000.000	37.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>97.698.426.257</b>	<b>41.514.849.975</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	75.715.725.590	23.221.684.404
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.546.673.893	1.354.716.074
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	19.433.480.493	18.935.903.216
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.997.453.719)	(1.997.453.719)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>40.767.915.708</b>	<b>50.444.694.612</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	40.767.915.708	50.444.694.612
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>723.244.871</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	723.244.871
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>75.436.562.312</b>	<b>68.601.676.220</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.058.926.512</b>	<b>40.309.470.065</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	32.219.728.846	36.426.939.066
- Nguyên giá	222		536.560.027.371	558.366.586.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(504.340.298.525)	(521.939.647.562)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.839.197.666	3.882.530.999
- Nguyên giá	228		7.262.859.922	7.262.859.922
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.423.662.256)	(3.380.328.923)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.876.033.325</b>	<b>1.348.784.248</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	2.876.033.325	1.348.784.248
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>17.489.225.000</b>	<b>17.489.225.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		17.489.225.000	17.489.225.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.012.377.475</b>	<b>9.454.196.907</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	19.012.377.475	9.454.196.907
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>236.242.282.669</b>	<b>221.885.302.176</b>

3884  
 IG T  
 IHH  
 TOA  
 JA  
 HỒ C

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>84.952.566.199</b>	<b>70.767.567.011</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>71.821.246.845</b>	<b>61.580.864.285</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	5.189.071.927	4.556.464.212
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		227.975.784	1.593.188.054
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	20.674.316.141	14.145.225.827
4. Phải trả người lao động	314		9.458.369.211	8.842.808.009
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	205.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	29.990.181.041	29.476.594.990
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	5.000.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.281.332.741	2.761.583.193
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.131.319.354</b>	<b>9.186.702.726</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	312.904.575	312.904.575
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	12.818.414.779	8.873.798.151
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>151.289.716.470</b>	<b>151.117.735.165</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>150.899.716.470</b>	<b>150.727.735.165</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		114.245.700.000	114.245.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		114.245.700.000	114.245.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.078.650.000	4.078.650.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.539.421.351	27.539.421.351
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.035.945.119	4.863.963.814
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.052.365.100	1.332.527.020
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.983.580.019	3.531.436.794
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>390.000.000</b>	<b>390.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		390.000.000	390.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>236.242.282.669</b>	<b>221.885.302.176</b>

Người lập biểu

*Đoàn Thị Như Hoa*

Đoàn Thị Như Hoa

Kế toán trưởng

*Phùng Sỹ Hữu*

Phùng Sỹ Hữu



Giám đốc

Nguyễn Kiên Cường

Thanh Hóa, Ngày 03 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	334.854.725.282	341.786.889.128
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	16.971.806.342	13.455.649.721
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		317.882.918.940	328.331.239.407
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	255.458.031.423	261.674.316.322
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.424.887.517	66.656.923.085
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.939.015.881	3.276.053.421
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	127.801.360	22.630.137
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		127.801.360	22.630.137
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	36.431.226.307	35.683.228.851
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	26.417.632.283	28.686.377.057
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.387.243.448	5.540.740.461
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.741.352.169	2.450.919.518
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.863.859.611	3.159.764.064
13. Lợi nhuận khác	40		2.877.492.558	(708.844.546)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.264.736.006	4.831.895.915
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	1.281.155.987	1.300.459.121
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.983.580.019	3.531.436.794

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Đoàn Thị Như Hoa*

*Phùng Sỹ Hữu*



Đoàn Thị Như Hoa

Phùng Sỹ Hữu

Nguyễn Kiên Cường

Thanh Hóa, Ngày 03 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.264.736.006	4.831.895.915
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.192.356.529	9.045.580.001
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.263.197.699)	(3.276.053.421)
- Chi phí lãi vay	06		127.801.360	22.630.137
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.321.696.196	10.624.052.632
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(55.530.083.356)	16.276.900.655
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.676.778.904	(1.362.449.104)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.114.847.192	(11.258.552.320)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.558.180.568)	4.960.859.586
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(127.801.360)	(22.630.137)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.638.805.794)	(1.943.994.558)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.435.706.666)	(2.008.255.640)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(42.177.255.452)</b>	<b>15.265.931.114</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.469.062.053)	(3.301.626.795)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.324.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.222.387.585)	(86.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		42.222.387.585	53.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.008.767.826	3.873.934.378
<b>Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư</b>	30		<b>33.863.887.591</b>	<b>(32.327.692.417)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		22.604.647.124	10.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(17.604.647.124)	(10.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.948.090.245)	(3.943.431.765)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.051.909.755</b>	<b>(3.943.431.765)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(6.261.458.106)</b>	<b>(21.005.193.068)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>23.600.836.498</b>	<b>44.606.029.566</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>17.339.378.392</b>	<b>23.600.836.498</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng







Đoàn Thị Như Hoa

Phùng Sỹ Hữu

Nguyễn Kiên Cường

Thanh Hóa, Ngày 03 tháng 03 năm 2026

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**Năm 2025**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa tên cũ là Công ty CP Bia Thanh Hóa được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 2800791192 do Sở Tài Chính tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24/3/2004. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 13 ngày 15/07/2025.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh trong 12 tháng

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31/12/2025 là: 311 người (tại ngày 01/01/2025 là 333 người).

Tại ngày 31/12/2025 Công ty có công ty con như sau :

Tên	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung	Kinh doanh các sản phẩm bia	15.000.000.000	100%	100%

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính riêng.

21388  
CÔNG TY  
TNHH  
M T O  
JVA  
P. HỒ C

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

#### a, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

#### **b, Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

#### **c, Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con**

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối năm trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 15	05 – 15
Phương tiện vận tải	04 – 12	04 – 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc năm kế toán lập Báo cáo tài chính riêng trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

0521  
CÔNG  
TM  
IỂM  
NV  
TP

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

##### *Các quỹ khác*

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1884  
GT  
HH  
TOA  
A  
10 C

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Các khoản giảm trừ doanh thu*

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
  - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước).
  - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - THANH HÓA

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Học Thành, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã kỳ được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 14. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 15. Công cụ tài chính

##### Tài sản tài chính

###### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

###### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

###### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

###### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, hoặc cộng trừ các khoản phân bổ lũy kế theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuận của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của doanh nghiệp sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	683.984.322	2.196.595.718
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.655.394.070	16.404.240.780
Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng (*)	12.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.339.378.392</b>	<b>23.600.836.498</b>

(\*) Ghi chú: Trong đó có 5 tỷ tiền gửi kỳ hạn dưới 03 đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa để bảo đảm cho hợp đồng cho vay theo hạn mức số 53088/2025/ĐV ngày 12/05/2025.

1388  
NG T  
NH  
A TO  
IVA  
HỒ C

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính : VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a. Đầu tư nắm giữ đến kỳ đáo hạn</b>				
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng sau:				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sơn Sơn	5.000.000.000	5.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Hóa	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>37.000.000.000</b>

	Cuối năm			Đầu năm		
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị vốn góp
<b>b. Đầu tư vào công ty con</b>			<b>17.489.225.000</b>			<b>17.489.225.000</b>
Công ty TNHH MTV TM Habeco Miền Trung (*)	100%	100%	17.489.225.000	100%	100%	17.489.225.000

(\*) Công ty TNHH MTV TM Habeco Miền Trung (tên cũ là Công ty Cổ phần TM Bia Hà Nội - Thanh Hóa) được thành lập theo Quyết định số 539/QĐ-HĐQT ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa. Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 2801023570 đăng ký lần đầu ngày 21/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 10/07/2025 do Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp. Vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh bia, rượu, nước uống không cồn và các sản phẩm công nghiệp dịch vụ khác.

Các giao dịch phát sinh chủ yếu trong năm với Công ty con (xem thuyết minh VII.2)



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	16.488.211.158	4.228.111.838
Công ty TNHH Thanh Dương	-	2.256.295.937
Công ty TNHH Dịch Vụ Thanh Hoa	-	5.076.914.150
Công ty TNHH Thiên Thanh	-	2.607.429.125
Công ty TNHH Thương mại thực phẩm & đồ uống Thái Bình Dương	56.926.282.616	-
Các đối tượng khác	2.301.231.816	9.052.933.354
<b>Cộng</b>	<b>75.715.725.590</b>	<b>23.221.684.404</b>

Phải thu khách hàng là bên liên quan Xem thuyết minh VII.2

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Mayekawa Việt Nam	-	355.579.844
Công ty TNHH TM Quốc Tế Khải Minh	1.077.808.330	305.466.630
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Hưng Phát	1.461.456.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư LUST.H	985.881.623	-
Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Môi trường Thăng Long	172.290.000	172.290.000
Các đối tượng khác	849.237.940	521.379.600
<b>Cộng</b>	<b>4.546.673.893</b>	<b>1.354.716.074</b>

Trả trước cho người bán là bên liên quan Xem thuyết minh VII.2

**5. Phải thu khác ngắn hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung (Giá trị vô chai kết)	13.861.787.400	13.861.787.400
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	1.806.124.901	1.444.846.709
Phải thu tiền lãi tạm tính	167.424.659	598.454.796
Phải thu khác	3.598.143.533	3.030.814.311
<b>Cộng</b>	<b>19.433.480.493</b>	<b>18.935.903.216</b>

Phải thu khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**6. Nợ xấu**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	1.997.453.719	-	1.997.453.719	-
<b>Cộng</b>	<b>1.997.453.719</b>	<b>-</b>	<b>1.997.453.719</b>	<b>-</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.395.838.869	-	30.568.533.397	-
Công cụ, dụng cụ	810.483.020	-	1.222.096.432	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.759.716.381	-	12.745.388.618	-
Thành phẩm	3.801.877.438	-	5.908.676.165	-
<b>Cộng</b>	<b>40.767.915.708</b>	<b>-</b>	<b>50.444.694.612</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Nhà máy Bia xã Quảng Thịnh	329.785.454	329.785.454
Cải tạo hệ thống thu gom nước thải tách nước mưa	2.404.458.056	-
Cải tạo nâng cấp hệ thống PCCC	72.789.815	-
Đầu tư máy lắp kết tự động	69.000.000	-
Trạm nước bờ sông	-	1.018.998.794
<b>Cộng</b>	<b>2.876.033.325</b>	<b>1.348.784.248</b>

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công cụ dụng cụ, vỏ chai keg xuất dùng	18.687.287.717	8.800.510.948
Sửa chữa lớn TSCĐ	325.089.758	653.685.959
<b>Cộng</b>	<b>19.012.377.475</b>	<b>9.454.196.907</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Học Thành, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ Quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	69.716.187.497	469.411.667.974	13.385.667.400	5.853.063.757	558.366.586.628
Số tăng trong năm	371.918.182	2.070.048.794	-	500.546.000	2.942.512.976
- Mua trong năm	-	2.069.348.794	-	500.546.000	2.569.894.794
- Xây dựng trong năm	371.918.182	-	-	-	371.918.182
- Tăng khác	-	700.000	-	-	700.000
Số giảm trong năm	-	23.405.472.142	1.342.900.091	700.000	24.749.072.233
- Thanh lý, nhượng bán	-	23.405.472.142	1.342.900.091	-	24.748.372.233
- Giảm khác	-	-	-	700.000	700.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>70.088.105.679</b>	<b>448.076.244.626</b>	<b>12.042.767.309</b>	<b>6.352.909.757</b>	<b>536.560.027.371</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	61.413.642.798	446.201.648.866	9.572.898.446	4.751.457.452	521.939.647.562
Số tăng trong năm	1.415.917.639	4.209.341.848	820.613.307	703.150.402	7.149.023.196
Số giảm trong năm	-	23.405.472.142	1.342.900.091	-	24.748.372.233
- Thanh lý, nhượng bán	-	23.405.472.142	1.342.900.091	-	24.748.372.233
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>62.829.560.437</b>	<b>427.005.518.572</b>	<b>9.050.611.662</b>	<b>5.454.607.854</b>	<b>504.340.298.525</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	8.302.544.699	23.210.019.108	3.812.768.954	1.101.606.305	36.426.939.066
Tại ngày cuối năm	7.258.545.242	21.070.726.054	2.992.155.647	898.301.903	32.219.728.846

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng 435.552.578.571 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Đơn vị tính: VND		Tổng cộng
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	3.752.531.000	3.510.328.922	7.262.859.922
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.752.531.000</b>	<b>3.510.328.922</b>	<b>7.262.859.922</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	3.380.328.923	3.380.328.923
Số tăng trong năm	-	43.333.333	43.333.333
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>3.423.662.256</b>	<b>3.423.662.256</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	3.752.531.000	129.999.999	3.882.530.999
Tại ngày cuối năm	3.752.531.000	86.666.666	3.839.197.666

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng 3.315.328.922 đồng.

**12. Phải trả người bán**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH TM & Vận Tải Thái Tân	1.492.978.001	1.492.978.001	1.005.298.688	1.005.298.688
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Thực phẩm An Vượng	-	-	697.466.000	697.466.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Quang Trung	529.824.200	529.824.200	641.343.500	641.343.500
Công ty Cổ phần HANACANS	-	-	649.110.528	649.110.528
Công ty TNHH Baosteel Can Making	2.339.263.173	2.339.263.173	354.712.372	354.712.372
Phải trả các đối tượng khác	827.006.553	827.006.553	1.208.533.124	1.208.533.124
<b>Cộng</b>	<b>5.189.071.927</b>	<b>5.189.071.927</b>	<b>4.556.464.212</b>	<b>4.556.464.212</b>
<b>b. Phải trả dài hạn</b>				
Công ty TNHH SX và TM Phú Bình	83.095.329	83.095.329	83.095.329	83.095.329
Công ty TNHH Thương mại & KT Hải Âu	73.365.600	73.365.600	73.365.600	73.365.600
Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Việt Tùng	52.140.000	52.140.000	52.140.000	52.140.000
Lương Văn Thắng	42.250.000	42.250.000	42.250.000	42.250.000
Phải trả các đối tượng khác	62.053.646	62.053.646	62.053.646	62.053.646
<b>Cộng</b>	<b>312.904.575</b>	<b>312.904.575</b>	<b>312.904.575</b>	<b>312.904.575</b>

Phải trả người bán là bên liên quan : Xem thuyết minh VII.2

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Đầu năm VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm VND
<b>Thuế phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.201.549.487	35.294.752.843	34.199.891.624	2.296.410.706
Thuế tiêu thụ đặc biệt	12.319.548.581	222.482.870.753	216.758.020.251	18.044.399.083
Thuế thu nhập doanh nghiệp	618.590.609	1.281.155.987	1.638.805.794	260.940.802
Thuế thu nhập cá nhân	5.537.150	326.201.933	259.173.533	72.565.550
Thuế, các khoản nộp khác	-	294.238.686	294.238.686	-
<b>Cộng</b>	<b>14.145.225.827</b>	<b>259.679.220.202</b>	<b>253.150.129.888</b>	<b>20.674.316.141</b>
<b>Thuế phải thu</b>				
Thuế đất, tiền thuê đất	723.244.871	2.528.119.913	1.804.875.042	-
<b>Cộng</b>	<b>723.244.871</b>	<b>2.528.119.913</b>	<b>1.804.875.042</b>	<b>-</b>

**14. Phải trả khác**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
<b>a. Phải trả khác ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	75.454.329	78.384.951
Nhận ký quỹ, ký cược	28.170.339.800	27.978.039.800
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	603.399.565	695.347.310
Chi phí hỗ trợ và khuyến mại phải trả	571.129.800	445.996.801
Phải trả khác	569.857.547	278.826.128
<b>Cộng</b>	<b>29.990.181.041</b>	<b>29.476.594.990</b>
<b>b. Phải trả khác dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	6.867.070.633	2.953.513.133
Lãi vay phải trả	5.229.341.358	5.229.341.358
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	4.502.356.991	4.502.356.991
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	726.984.367	726.984.367
Phải trả khác	722.002.788	690.943.660
<b>Cộng</b>	<b>12.818.414.779</b>	<b>8.873.798.151</b>

Phải trả khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

**BAO CÁO TÀI CHÍNH**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

## 15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Phát sinh trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	22.604.647.124	17.604.647.124	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa	5.000.000.000	5.000.000.000	13.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sầm Sơn	-	-	9.604.647.124	9.604.647.124	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>22.604.647.124</b>	<b>17.604.647.124</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 53088/2025/ĐV ngày 12/05/2025. Hạn mức 30.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng. Lãi suất theo quy định ngân hàng tùy thuộc vào từng thời điểm nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay quy định tại Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn kèm theo hợp đồng vay theo hạn mức số 53088/2025/ĐV ngày 12/05/2025.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**16. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	114.245.700.000	4.078.650.000	27.539.421.351	6.383.437.910	152.247.209.261
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.531.436.794	3.531.436.794
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(752.311.390)	(752.311.390)
Thương bán điều hành	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.998.599.500)	(3.998.599.500)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>114.245.700.000</b>	<b>4.078.650.000</b>	<b>27.539.421.351</b>	<b>4.863.963.814</b>	<b>150.727.735.165</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.983.580.019	3.983.580.019
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(666.456.214)	(666.456.214)
Thương bán điều hành	-	-	-	(289.000.000)	(289.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.856.142.500)	(2.856.142.500)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>114.245.700.000</b>	<b>4.078.650.000</b>	<b>27.539.421.351</b>	<b>5.035.945.119</b>	<b>150.899.716.470</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	62.835.100.000	55	62.835.100.000	55
Vốn góp của các đối tượng khác	51.410.600.000	45	51.410.600.000	45
<b>Cộng</b>	<b>114.245.700.000</b>	<b>100</b>	<b>114.245.700.000</b>	<b>100</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	114.245.700.000	114.245.700.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	114.245.700.000	114.245.700.000

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.424.570	11.424.570
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.424.570	11.424.570
- Cổ phiếu phổ thông	11.424.570	11.424.570
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.424.570	11.424.570
- Cổ phiếu phổ thông	11.424.570	11.424.570

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Nợ khó đòi đã xử lý	1.195.310.556	1.195.310.556

3052  
 CỘ  
 T  
 KIẾ  
 M  
 T-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán các thành phẩm	331.282.638.669	338.087.555.457
Doanh thu khác	3.572.086.613	3.699.333.671
<b>Cộng</b>	<b>334.854.725.282</b>	<b>341.786.889.128</b>

**Doanh thu với các bên liên quan:**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	95.917.588.910	93.475.937.161
<i>Doanh thu chưa VAT</i>	<i>175.122.535.280</i>	<i>170.504.164.150</i>
<i>Thuế TTĐB</i>	<i>79.204.946.370</i>	<i>77.028.226.989</i>
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung	1.401.765.243	1.388.160.000
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	-	26.812.500

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	16.971.806.342	13.455.649.721
<b>Cộng</b>	<b>16.971.806.342</b>	<b>13.455.649.721</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	255.458.031.423	261.674.316.322
<b>Cộng</b>	<b>255.458.031.423</b>	<b>261.674.316.322</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.132.890.980	1.831.206.712
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.806.124.901	1.444.846.709
<b>Cộng</b>	<b>2.939.015.881</b>	<b>3.276.053.421</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**  
 Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**5. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	127.801.360	22.630.137
<b>Cộng</b>	<b>127.801.360</b>	<b>22.630.137</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản	3.324.181.818	-
Thu nhập khác	2.417.170.351	2.450.919.518
<b>Cộng</b>	<b>5.741.352.169</b>	<b>2.450.919.518</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao, thuê đất nhà máy Nghi Sơn	620.502.629	1.219.390.570
Các khoản truy thu, phạt chậm nộp thuế	201.023.198	566.872.303
Chi phí khác	2.042.333.784	1.373.501.191
<b>Cộng</b>	<b>2.863.859.611</b>	<b>3.159.764.064</b>

**8. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công, bảo hiểm	8.901.104.324	6.973.157.359
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	9.303.641.684	6.445.862.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	514.496.187	536.162.855
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ	8.120.036.986	15.450.793.201
Chi phí khác	9.591.947.126	6.277.253.334
<b>Cộng</b>	<b>36.431.226.307</b>	<b>35.683.228.851</b>

**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công, bảo hiểm	12.275.521.946	11.322.544.695
Chi phí tiền thuê đất	1.750.325.290	4.305.926.471
Chi phí khác	12.391.785.047	13.057.905.891
<b>Cộng</b>	<b>26.417.632.283</b>	<b>28.686.377.057</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**  
 Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	209.254.831.414	215.850.121.322
Chi phí nhân công	46.260.321.734	44.173.259.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.192.356.529	9.045.580.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.125.984.633	21.414.704.024
Chi phí khác bằng tiền	27.001.427.368	34.019.746.901
<b>Cộng</b>	<b>313.834.921.678</b>	<b>324.503.411.557</b>

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.264.736.006	4.831.895.915
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	384.968.006	1.670.399.689
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.191.092.907	3.115.246.398
+ <i>Lương HĐQT không tham gia điều hành</i>	<i>156.000.000</i>	<i>156.000.000</i>
+ <i>Chi phí khác không được khấu trừ</i>	<i>2.035.092.907</i>	<i>2.959.246.398</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.806.124.901	1.444.846.709
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>1.806.124.901</i>	<i>1.444.846.709</i>
Tổng lợi nhuận tính thuế	5.649.704.012	6.502.295.604
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.129.940.802	1.300.459.121
Thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	151.215.185	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm</b>	<b>1.281.155.987</b>	<b>1.300.459.121</b>

**12. Lãi trên cổ phiếu**

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

**2.1 Danh mục các bên liên quan**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung	Công ty con
Công ty CP Bao bì Bia Rượu NGK	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng trị	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết với Công ty mẹ

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

**2.2 Giao dịch với bên liên quan**

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh doanh thu đã thuyết minh tại mục VI.1. Trong năm Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu (không bao gồm VAT) như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị giao dịch VND</b>	
		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Mua nguyên liệu	62.722.273.362	56.170.168.330
	Chia cổ tức	1.570.877.500	2.199.228.500
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung	Phí nhãn hiệu bia	383.722.272	387.816.008
	Chi hệ tiền thuê đất	33.340.032	-
	Lợi nhuận được chia	1.806.124.901	1.444.846.709
	Phí tin nhắn cho đại lý	43.623.937	30.759.936
Công ty CP Bao bì Bia Rượu NGK	Mua nắp chai	4.684.980.000	4.933.640.000
Công ty CP Bao bì Habeco	Mua hộp bia	1.713.442.720	1.711.044.060

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - THANH HÓA**  
 Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Bắc Thành, Quận Thanh Hóa  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	Phải thu bán hàng	16.488.211.158	4.228.111.838
	Phải trả phí bản quyền	(29.086.750)	(176.696.000)
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung	Phải thu bán hàng	-	-
	Phải thu chai két	13.861.787.400	13.861.787.400
	Phải thu cổ tức	1.806.124.901	1.444.846.709
Công ty CP Bảo hi Habeco	Phải trả mua hộp bia	(64.168.416)	(77.355.000)
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng trị	Phải thu dịch vụ bốc xếp	-	6.682.500

Thu nhập của Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm:

Họ tên	Chức danh	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc</b>				
Bùi Trường Thăng	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	96.000.000	96.000.000
Lương Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Kiên Cường	Giám đốc, Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
		Lương thưởng	463.596.000	463.990.000
Đỗ Trường Giang	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
		Lương thưởng	343.182.000	341.000.000
Phùng Văn Quỳnh	Phó Giám đốc	Lương thưởng	317.228.000	270.684.000
<b>Ban Kiểm soát</b>				
Nguyễn Duy Hà	Trưởng BKS	Lương thưởng	253.389.000	257.632.000
Nguyễn Minh Thế	Thành viên BKS	Thù lao	36.000.000	36.000.000
Trần Đức Giang	Thành viên BKS	Thù lao	36.000.000	36.000.000
<b>Các Thành viên chủ chốt khác</b>				
Phùng Sỹ Hữu	Kế toán trưởng	Lương thưởng	325.621.000	327.574.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### 3. Thông tin về bộ phận

#### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

#### Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

### 4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có thể chấp, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng để làm tài sản đảm bảo khoản vay (xem thuyết minh V.1, V.15). Ngoài ra, Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác

### 5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

2138  
NG  
NH  
A TC  
IVA  
HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>69.861.060.210</b>	<b>13.131.319.354</b>	<b>82.992.379.564</b>
Các khoản vay	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải trả người bán	5.189.071.927	312.904.575	5.501.976.502
Các khoản phải trả khác	59.671.988.283	12.818.414.779	72.490.403.062
<b>Số đầu năm</b>	<b>58.045.548.831</b>	<b>9.186.702.726</b>	<b>67.232.251.557</b>
Phải trả người bán	4.556.464.212	312.904.575	4.869.368.787
Chi phí phải trả	205.000.000	-	205.000.000
Các khoản phải trả khác	53.284.084.619	8.873.798.151	62.157.882.770

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro ngoại tệ:***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

***Rủi ro lãi suất:***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

---

**8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm 2025 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

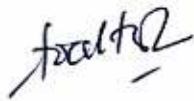
**9. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đoàn Thị Như Hoa

Phùng Sỹ Hữu

Nguyễn Kiên Cường

Thanh Hóa, Ngày 03 tháng 03 năm 2026.